

Phụ lục số 01

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Lệ Thủy)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán huyện giao năm 2023					Thực hiện đến 30/6/2023					So sánh TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NST	NSH	Chia ra	
				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				H	X
Tổng cộng	1.085.595	64.815	1.020.780	787.323	233.457	858.003	16.662	840.451	658.436	181.735	79,04	25,71	82,33	83,63	77,85
I. Thu ngân sách NN trên địa bàn	405.740	64.815	340.925	225.338	115.587	120.768	16.662	103.216	83.771	19.165	29,76	25,71	30,28	37,18	16,58
Số thu trong cân đối không kể CQSDD	123.740	1.075	122.665	106.798	15.867	55.919	5.322	49.707	39.825	9.602	45,19	495,07	40,52	37,29	60,52
1. Thuế CTN và DV NQD	47.000	-	47.000	43.124	3.876	25.773	-	25.773	21.820	3.953	54,84		54,84	50,60	101,99
+ GTGT	38.740		38.740	35.980	2.760	17.795		17.795	16.264	1.531	45,93		45,93	45,20	55,47
+ TNDN	6.000		6.000	6.000	-	3.085		3.085	3.085	-	51,42		51,42	51,42	
+ Tiêu thụ ĐB	60		60	44	16	18		18	12	6	30,00		30,00	27,27	37,50
+ Tài nguyên	2.200	-	2.200	1.100	1.100	4.875	-	4.875	2.459	2.416	221,59		221,59	223,55	219,64
2. Lệ phí trước bạ	37.500	-	37.500	34.147	3.353	12.102	-	12.102	11.263	839	32,27		32,27	32,98	25,02
-Trước bạ, ô tô xe máy	32.710		32.710	32.710		12.102		12.102	11.263	839	37,00		37,00	34,43	
-Trước bạ nhà đất và TS khác	4.790		4.790	1.437	3.353	-		-			-				-
3. Thuế SD ĐNN	-			-	-	-		-							
4. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	90	-	90	27	63	87		87	26	61	96,67		96,67		96,83
5. Thu tiền thuê đất	350	175	175	175	-	849	424	425	340	85	242,57	242,29	242,86	194,29	
6. Thu tiền sử dụng đất	282.000	63.740	218.260	118.540	99.720	64.849	11.340	53.509	43.946	9.563	23,00	17,79	24,52	37,07	9,59
7. Thu cấp quyền khai thác	900	-	900	450	450	1.626	290	1.336	583	753	180,67		148,44	129,56	167,33
8. Thu phí và lệ phí	4.900	-	4.900	2.655	2.245	4.360	1.713	2.647	1.342	1.025	88,98		54,02	50,55	45,66
+Phí tài nguyên	1.500		1.500	750	750	1.975	1.335	640	320	320	131,67		42,67	42,67	42,67
+ Môn bài	1.636	-	1.636	1.135	501	1.538	-	1.538	1.071	467	94,01		94,01	94,36	93,21

Chỉ tiêu	Dự toán huyện giao năm 2023					Thực hiện đến 30/6/2023					So sánh TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NS tỉnh, trung ương	NS huyện	Chia ra			NST	NSH	Chia ra	
				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				NS cấp Huyện	NS cấp Xã				H	X
+ Các loại phí khác	1.764		1.764	770	994	847	378	469	44	425	48,02		26,59	5,71	42,76
9. Thuế thu nhập cá nhân	24.000		24.000	22.620	1.380	4.807	-	4.807	4.005	802	20,03		20,03		58,12
10. Thu khác	9.000	900	8.100	3.600	4.500	5.425	2.895	2.530	446	2.084	60,28	321,67	31,23	12,39	46,31
- Hoa lợi công sản	2.500		2.500	-	2.500	1.438,00	-	1.438	-	1.438	57,52		57,52		57,52
- Các khoản thu khác	6.500	900	5.600	3.600	2.000	3.987	2.895	1.092	446	646	61,34	321,67	19,50	12,39	32,30
11. Các khoản huy động đóng góp						890		890	154	736					
II. Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý (gồm tiền thuê đất 2.530trđ; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 1.212trđ)	3.715		3.715		3.715	1.003		1.003	513	490	27,00		27,00		13,19
III. Thu chuyển nguồn	-		-	-		211.755		211.755	139.659	72.096					
IV. Thu kết dư ngân sách						-		-							
V. Thu bổ sung từ NS cấp trên	676.140	-	676.140	561.985	114.155	524.477	-	524.477	434.493	89.984	77,57		77,57	77,31	78,83
1. Bổ sung cân đối	663.299		663.299	549.144	114.155	397.339		397.339	331.650	65.689	59,90		59,90	60,39	57,54
2. Bổ sung có mục tiêu	12.841		12.841	12.841		127.138		127.138	102.843	24.295	990,09		990,09	800,90	

Phụ lục số 02*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Lệ Thủy)***BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023***Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2023	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>1.020.780</u>	<u>787.323</u>	<u>233.457</u>	<u>454.322</u>	<u>341.227</u>	<u>113.095</u>	<u>44,51</u>	<u>43,3</u>	<u>48,4</u>
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	247.687	147.967	99.720	105.939	64.361	41.578	42,77	43,5	41,7
1	Chi sự nghiệp kinh tế				78.399	50.575	27.824			
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				15.924	9.874	6.050			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số				-	-	-			
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT				4.765	-	4.765			
5	Chi sự nghiệp phát thanh				-	-	-			
6	Chi đảm bảo XH				22	-	22			
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể				5.065	2.148	2.917			
8	Chi an ninh				614	614	-			
9	Chi quốc phòng				1.150	1.150	-			
10	Chi sự nghiệp môi trường				-	-	-			
11	Chi khác ngân sách				-	-	-			
II	Chi thường xuyên	752.934	623.781	129.153	348.383	276.866	71.517	46,27	44,4	55,4
1	Chi sự nghiệp kinh tế	52.224	34.716	17.508	11.666	2.686	8.980	22	8	51

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2023	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	389.412	389.412	-	177.897	174.648	3.249	46	45	
3	Chi sự nghiệp y tế	44.920	44.920	-	21.878	21.857	21	49	49	
4	Chi sự nghiệp VH TT - TDTT	7.860	6.949	911	2.695	2.462	233	34	35	26
5	Chi sự nghiệp phát thanh	-	-	-	-	-	-			
6	Chi đảm bảo XH	86.472	83.096	3.376	42.641	40.295	2.346	49	48	69
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	142.989	46.629	96.360	76.476	21.837	54.639	53	47	57
8	Chi an ninh	7.455	2.202	5.253	2.863	2.533	330	38	115	6
9	Chi quốc phòng	9.005	3.788	5.217	6.046	4.484	1.562	67	118	30
10	Chi sự nghiệp môi trường	9.897	9.369	528	2.579	2.422	157	26	26	30
11	Chi khác ngân sách	2.700	2.700		3.642	3.642	-	135	135	
III	Dự phòng ngân sách	20.159	15.575	4.584	-					

Ghi chú:

Tổng chi ngân sách huyện không bao gồm số chi chuyển giao ngân sách xã

Tổng chi chuyển giao ngân sách cấp huyện cho ngân sách các xã, thị trấn đến thời điểm báo cáo

89.984 trđ/KH 114.155 trđ

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2023	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2023	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX

PHỤ LỤC SỐ 2.1*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)***TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023***Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
I		Dự toán giao	15.575
II		Kinh phí đã thực hiện	4.461
1	Phòng Lao động - TB&XH	Vận chuyển, bốc vác gạo thiếu đói cho nhân dân nhân dịp Tết Nguyên đán	123,99
2	Ngân hàng chính sách xã hội	Bổ sung vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2023	300
3	Phòng Dân tộc	Mua giống cây trồng phục vụ sản xuất vụ Hè Thu năm 2023 cho xã Kim Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy	424,44
4	Hạt Kiểm lâm	Thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn	50
5	Hạt kiểm lâm	Kiểm soát lâm sản và phòng cháy chữa cháy	13
6	Hạt Kiểm lâm	Tổng kết công tác phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ và phát triển rừng năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023	7,28
7	Hạt Kiểm lâm	Phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	50
8	Ban quản lý các công trình công cộng	Sửa chữa, lắp đặt mới một số thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy tại các Chợ	200
9	Phòng NN&PTNT	Rà soát, thống kê thiệt hại do thiên tai	20
10	Phòng Y tế	Hỗ trợ Đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán và Lễ hội Xuân 2023	5
11	UBND các xã thị trấn	Hỗ trợ người chăn nuôi có lợn phải tiêu hủy do dịch tả lợn Châu Phi năm 2021	0,108
12	UBND Thị trấn Kiến Giang	Lắp đặt Camera sử dụng wifi phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đảm bảo ANTT trên địa bàn TT Kiến Giang	150
13	Văn phòng HĐND&UBND	Phục vụ Chương trình "Xuân Biên phòng ấm lòng dân bản"	39
14	Viện Kiểm sát nhân dân	Thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp	30
15	BCH Quân sự	Thăm, tặng quà các gia đình có quân nhân làm nhiệm vụ tại vùng DK1, Quần đảo Trường Sa nhân dịp Tết Nguyên Đán Quý Mão 2023	20,5
16	BCH Quân sự	Trực sẵn sàng chiến đấu trong dịp Tết Dương lịch 2023	20,4
17	BCH Quân sự	Tổ chức tập huấn cán bộ cơ sở năm 2023	183
18	BCH Quân sự	Đón tiếp quân nhân xuất ngũ hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương năm 2023	164
19	BCH Quân sự	Thăm, tặng quà đơn vị trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng Chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	14
20	BCH Quân sự	Phục vụ Lễ giao nhận quân 2023	289
21	BCH Quân sự	Trực sẵn sàng chiến đấu trong dịp Tết Nguyên đán	50

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
22	BCH Quân sự	Phục vụ Lễ ra quân huấn luyện năm 2023	120
23	BCH Quân sự	Đảm bảo luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu năm 2023	50
24	BCH Quân sự	Hội thi cán bộ giảng dạy chính trị cho lực lượng dân quân năm 2023	25
25	BCH Quân sự	Làm mới hệ thống biển, bảng xây dựng chính quy đơn vị năm 2023	20
26	BCH Quân sự	Phục vụ huấn luyện dân quân tự vệ năm thứ nhất 2023	175
27	BCH Quân sự	Sửa chữa nhà kho để tàu xuồng cứu hộ, cứu nạn, mua vật chất cứu nạn, cứu hộ 2023	85
28	BCH Quân sự	Chi trả chế độ cho cán bộ dân quân cơ động 6 tháng	4,47
29	BCH Quân sự	Bảo đảm chốt chiến đấu Dân quân thường trực biên giới xã Lâm Thủy	50
30	BCH Quân sự	Phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2023	500
31	BCH Quân sự	Phục vụ hoạt động Hội đồng giáo dục quốc phòng AN huyện và bảo đảm KP bồi dưỡng kiến thức QPAN cho đối tượng 3 tại tỉnh	20
32	BCH Quân sự	Phục vụ Hội thao thể dục, thể thao quốc phòng và Hội thi xe tốt, lái xe giỏi 2023	20
33	BCH Quân sự	Phục vụ lễ tuyên thệ chiến sỹ mới năm 2023	60
34	Công an	Phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường	20
35	Công an	Thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự an toàn giao thông 2023	300
36	Công an	Phục vụ kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024	20
37	Công an (UBND các xã)	Xây nhà ở Doanh trại cho Công an xã	190
38	Công an huyện	Phục vụ Lễ hội Chùa Hoàng Phúc	40
39	Công an huyện	Phục vụ triển khai công tác Công an năm 2023	40
40	Công an huyện	Phục vụ triển khai Chương trình công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2022	10
41	Công an huyện	Quà tặng công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2023	36
42	Công an huyện	Thực hiện Nghị định 03/2019/NĐ-CP về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội	40
43	Công an huyện	Mua sắm, sửa chữa thiết bị thực hiện Đề án 06	90
44	Công an huyện	Hỗ trợ kinh phí cao điểm cấp Căn cước công dân gắn chip và đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho công dân trên địa bàn huyện	150
45	Công an huyện	Bảo vệ kỳ thi THPT năm 2023	32

TT	Đơn vị	Nội dung	Số tiền
46	Công an huyện (BCĐ 35)	Mua sắm cơ sở vật chất phục vụ công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng	50
47	Đồn Biên phòng Làng Ho	Tổ chức kỷ niệm 64 năm ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng và 34 năm ngày Biên phòng toàn dân	50
48	Đồn Biên phòng Ngư Thủy	Thực hiện nhiệm vụ phòng chống tội phạm trên địa bàn biên giới	15
49	Đồn Biên phòng Ngư Thủy	Tổ chức kỷ niệm 64 năm ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng và 34 năm ngày Biên phòng toàn dân	50
50	Phòng NN&PTNT (BCHQS cơ quan UBND huyện)	Hỗ trợ hoạt động huấn luyện tự vệ khối cơ quan UBND huyện	10
51	Trung tâm VH-TT-TT	Phục vụ Lễ giao nhận quân 2023	35
III		Dự toán còn lại	11.114